TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị E, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Số nhà xx, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Chổ ở: Số nhà xx, ấp Đ, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Sâm B, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị E có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh B tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị E, anh B sống tại Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, chị E khởi kiện yêu cầu không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị E và anh B có 02 (hai) con chung tên Trần Sà N, sinh ngày 03-01-2001 và Trần Văn Q, sinh ngày 23-4-2004. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị E không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Sâm B:*

Anh B đã được cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của chị E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Thạch Thị E khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Trần Sâm B. Anh B đăng ký thường trú tại Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị E có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, chị E có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, anh B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa là bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên. Theo Thông báo số: 05/TB-VKS-HNGĐ ngày 21-3-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị E và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Theo nội dung Giấy xác nhận số: 89/2022/UBND-XNTTHN ngày 14-6-2022 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì chị E không có đăng ký kết hôn với ai trong thời gian cư trú tại xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng từ ngày 02-01-1998 đến ngày 31-12-2008. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị E, anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là sự thật.

[5] Chị E yêu cầu công nhận chị và anh B không phải là vợ chồng, anh B có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị E. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"*. Theo quy định viện dẫn, chị E và anh B chung sống với nhau như vợ chồng, có điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống giữa chị E và anh Bộ phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, chị E có yêu cầu ly hôn với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị E và anh B.

[6] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 409, quyển số: 02/07 và Giấy khai sinh số: 412, quyển số: 02/07 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng cấp thì chị E và anh B có hai con chung tên Trần Sà N, sinh ngày 03-01-2002 và Trần Văn Q, sinh ngày 23-4-2004. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị E không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung đều đã trưởng thành, chị E không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị E trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Anh B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị E là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị E và anh Trần Sâm B.

2. Về con chung: Các con chung tên Trần Sà N, sinh ngày 03-01-2002 và Trần Văn Q, sinh ngày 23-4-2004 đã trưởng thành, chị Thạch Thị E không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị E trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Trần Sâm B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0005689 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Thạch Thị E đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt